

PHỤ LỤC II: HƯỚNG DẪN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH, GIẤY PHÉP CƠ SỞ BÁN LẺ VỀ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HÓA CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

1. Cấp Giấy phép kinh doanh

1.1. Trình tự

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP:

- Trường hợp không đáp ứng điều kiện, cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Trường hợp đáp ứng điều kiện, cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động theo quy định; trường hợp từ chối cấp phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

1.3. Thành phần hồ sơ: Cấp giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ).

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (nếu có).

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn

1.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

1.5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

1.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

1.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

1.8. Phí, Lệ phí: Không có

1.9 Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh hoặc văn bản trả lời

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:Đáp ứng theo điều kiện quy định tại điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

1.12. Căn cứ pháp lý

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khoá XI

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội khoá XIV

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 của Quốc hội khoá XIV

- Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

- Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

2. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh

2.1. Trình tự

a) Hồ sơ gửi trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ:

- Trường hợp không đáp ứng điều kiện, cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Trường hợp đáp ứng điều kiện, cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối cấp phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy phép kinh doanh đã được điều chỉnh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp cho Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

2.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép kinh doanh (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ).

- Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định này, trừ trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở chính quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 09/2018/NĐ-CP: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh

- Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP:

+ Bản giải trình có nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (nếu có).

+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn

2.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

2.5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

2.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

2.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

2.8. Phí, Lệ phí: Không có

2.9 Kết quả thực hiện TTHC: Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoặc văn bản trả lời

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đáp ứng theo điều kiện quy định tại điều 14 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

2.12. Căn cứ pháp lý

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khoá XI

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội khoá XIV

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 của Quốc hội khoá XIV
- Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.
- Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

3. Cấp lại Giấy phép kinh doanh

3.1. Trình tự

- a) Hồ sơ gửi trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh trong trường hợp cấp lại theo quy định khoản 1 Điều 17 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.
- b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.
- c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Ban quản lý Khu kinh tế cấp lại Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối, Ban quản lý Khu kinh tế phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; Ban quản lý Khu kinh tế Hải phòng sao gửi 01 bản Giấy phép kinh doanh cho Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.
- d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được cấp lại Giấy phép kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ có trách nhiệm hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó cho cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

3.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ).

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

3.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

3.5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

3.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

3.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

3.8. Phí, Lệ phí: Không có

3.9 Kết quả thực hiện TTHC: Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoặc văn bản trả lời

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đáp ứng theo điều kiện quy định tại điều 17 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

3.12. Căn cứ pháp lý

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khoá XI

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội khoá XIV

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 của Quốc hội khoá XIV

- Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

- Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

4. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

4.1. Trình tự

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP:

- Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Ban quản lý Khu kinh tế có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Trường hợp đáp ứng điều kiện, Ban quản lý Khu kinh tế cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

4.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ).

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-Cp ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (nếu có).

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có).

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ).

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

4.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4.5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

4.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

4.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

4.8. Phí, Lệ phí: Không có

4.9 Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hoặc văn bản trả lời

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

- Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện chung: Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 9 và Điều 22 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

4.12. Căn cứ pháp lý

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khoá XI
- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội khoá XIV
- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII
- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 của Quốc hội khoá XIV
- Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.
- Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

5. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục ENT

5.1. Trình tự

- a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.
- b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018:
 - Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Ban quản lý Khu kinh tế có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;
 - Trường hợp đáp ứng điều kiện, Ban quản lý Khu kinh tế cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ;

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

5.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ).
- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có).
- Bản sao Giấy phép kinh doanh

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn

5.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

5.5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

5.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

5.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

5.8. Phí, Lệ phí: Không có

5.9 Kết quả thực hiện TTHC: Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục ENT hoặc văn bản trả lời

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 22 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

5.12. Căn cứ pháp lý

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khoá XI

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội khoá XIV

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 của Quốc hội khoá XIV

- Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

- Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

6. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT

6.1. Trình tự

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018:

- Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Ban quản lý Khu kinh tế có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Trường hợp đáp ứng điều kiện, cơ quan cấp Giấy phép đề xuất thành lập Hội đồng ENT theo quy định;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thành lập Hội đồng ENT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng ENT.

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất.

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT:

+ Trường hợp văn bản kết luận đề xuất không cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

+ Trường hợp văn bản kết luận đề xuất cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép;

6.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

6.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ).

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có).

- Bản sao Giấy phép kinh doanh

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn

- Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ trong trường hợp phải thực hiện trong trường hợp phải thực hiện ENT.

6.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

6.5. Thời hạn giải quyết:

6.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

6.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

6.8. Phí, Lệ phí: Không có

6.9 Kết quả thực hiện TTHC: Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT hoặc văn bản trả lời

6.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

6.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 22 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

6.12. Căn cứ pháp lý

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khoá XI

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội khoá XIV

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 của Quốc hội khoá XIV

- Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

- Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

7. Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

7.1. Trình tự

a) Hồ sơ gửi trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có tài liệu ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018

b) Có 3 trường hợp:

- Trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 31 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý Khu kinh tế kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ,

Ban quản lý Khu kinh tế điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018: Trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.

- Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018: Trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm hoàn trả Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp trước đó cho cơ quan cấp giấy phép.

7.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

7.3. Thành phần hồ sơ:

1. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP, trừ trường hợp thay đổi loại hình cơ sở bán lẻ thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; trường hợp điều chỉnh giảm diện tích cơ sở bán lẻ, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính: Bản sao Giấy phép kinh doanh ghi nhận nội dung điều chỉnh;

c) Trường hợp thay đổi địa chỉ của cơ sở bán lẻ: Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phường, xã, thị trấn xác nhận việc thay đổi địa chỉ;

d) Trường hợp giảm diện tích cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan.

2. Trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất, được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500 m², hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Bản giải trình có nội dung:

- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.

c) Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.

3. Trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại, hồ sơ gồm:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP;

b) Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

4. Trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP);

- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;

- Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 27 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

7.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

7.5. Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 31 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: 5 ngày làm việc

+ Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: 10 ngày làm việc

7.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

7.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

7.8. Phí, Lệ phí: Không có

7.9 Kết quả thực hiện TTHC: Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hoặc văn bản trả lời

7.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

7.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 22 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

7.12. Căn cứ pháp lý

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khoá XI

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội khoá XIV

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 của Quốc hội khoá XIV
- Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.
- Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

8. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

8.1. Trình tự

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý Khu kinh tế Hải phòng cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

8.3. Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

8.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

8.5. Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc

8.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

8.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

8.8. Phí, Lệ phí: Không có

8.9 Kết quả thực hiện TTHC: Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hoặc văn bản trả lời

8.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

8.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 33 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

8.12. Căn cứ pháp lý

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2025 của Quốc hội khoá XI

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội khoá XIV

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 của Quốc hội khoá XIV

- Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

- Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

9. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

9.1. Trình tự

a) Hồ sơ gửi trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước khi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu lực

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý Khu kinh tế Hải phòng kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đủ và hợp lệ, Ban quản lý Khu kinh tế gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

9.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

9.3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ)

- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có).

- Bản sao Giấy phép kinh doanh

- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn

9.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

9.5. Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc

9.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

9.7. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

9.8. Phí, Lệ phí: Không có

9.9 Kết quả thực hiện TTHC: Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hoặc văn bản trả lời

9.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

9.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 22 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

9.12. Căn cứ pháp lý

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khoá XI

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội khoá XIV

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII

- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 của Quốc hội khoá XIV

- Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

- Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.